

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST

Ngày 16/5/2024.

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bình Quyền.

Bà Lương Thị Huyền

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Hằng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 50/2024/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 02/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2024/QĐST- HNGĐ ngày 13/5/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tạ Thị H, sinh năm 1988. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Lê Văn L, sinh năm 1988. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2024, bản tự khai ngày 06/3/2024 và lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn chị Tạ Thị H thể hiện như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới và UBND xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau cấp đăng ký kết hôn ngày 30/6/2010. Sau khi cưới tình cảm vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, đánh đập, xúc phạm nhân phẩm của nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Tháng 5/2023 chị đã làm đơn ly hôn được Tòa án hòa giải và anh Lg hứa thay đổi nên chị đã rút đơn về vợ chồng đoàn tụ, nhưng chỉ được một thời gian ngắn vì anh L không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng tiếp tục xảy ra ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2023 đến nay

không ai quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng thực sự không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con: Chị và anh Lê Văn L có hai con chung là Lê Ngọc K, sinh ngày 16/10/2010 và Lê Ánh N, sinh ngày 26/4/2016. Nguyên vọng của chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 3.000.000 đồng cho cả hai cháu.

Về tài sản và công nợ: Chị Tạ Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Lê Văn L nhiều lần đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn nhưng anh L không đến. Tòa án đã liên lạc với anh L qua điện thoại yêu cầu anh L có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh L cố tình trốn tránh, không đến Tòa án để làm việc, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng cho người thân anh L là anh Lê Văn V (em trai anh L) theo đúng quy định của pháp luật, anh V đã nhận đủ các văn bản tố tụng của Tòa án và cam kết sẽ có trách nhiệm giao tận tay cho anh L.

Biên bản xác minh tham khảo ý kiến của cơ quan Nhà nước về gia đình về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng trong vụ án hôn nhân gia đình ngày 28/3/2024 tại thôn T, UBND xã và Công an xã H, huyện Hoàng Hóa:

Chị H và anh L cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau cấp đăng ký kết hôn ngày 30/6/2010. Sau khi kết hôn chị Hiền và anh Lượng về sinh sống tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cho đến nay. Trong quá trình chung sống giữa chị Hiền và anh Lượng có phát sinh mâu thuẫn trong gia đình và nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm bắt được chính xác. Chị H và anh L có hai con chung là Lê Ngọc K và Lê Ánh N. Việc chị H có đơn ly hôn, anh L không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại Điều 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về quyền, nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Tạ Thị H được ly hôn anh Lê Văn L

Về con: Giao hai cháu Lê Ngọc K và Lê Ánh N cho chị Tạ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Văn L có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi cháu 1.500.000 đồng, cả hai cháu là 3.000.000 đồng/ tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2024 cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên.

Về tài sản và công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Tạ Thị H phải chịu án phí ly hôn, anh L chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Tạ Thị H khởi kiện ly hôn anh Lê Văn L có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị H và anh Lê Văn L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 30/6/2010, như vậy hôn nhân giữa chị H và anh L là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh L: Sau khi cưới tình cảm vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị đã làm đơn ly hôn sau đó đã rút đơn về vợ chồng đoàn tụ, nhưng chỉ được một thời gian ngắn mâu thuẫn vợ chồng tiếp tục xảy ra ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2023 đến nay, tình cảm vợ chồng thực sự không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L. Quá trình giải quyết vụ án anh L không hợp tác làm việc do đó cũng không thể hiện ý chí nguyện vọng của anh L như thế nào, Tòa án đã thông báo qua điện thoại cho anh L được biết việc chị H làm đơn ly hôn đối với anh, nhưng anh cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, như vậy cũng có thể xác định anh L cũng không quan tâm đến cuộc hôn nhân này của mình, bỏ mặc không có mong muốn để vợ chồng trở về đoàn tụ thông qua công tác hòa giải tại Tòa án. Nay chị H có nguyện vọng ly hôn. Thấy rằng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay.

[3] Về con: Chị H và anh L có hai con chung là Lê Ngọc K, sinh ngày 16/10/2010 và Lê Ánh N, sinh ngày 26/4/2016. Nguyện vọng của chị H đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng của hai cháu mong muốn được ở với chị H, hơn nữa do anh L không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến bằng văn bản nên không thể hiện ý chí nguyện vọng về việc ai là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H là giao cả hai cháu cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H đề nghị anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi cháu 1.500.000 đồng, cả hai cháu là 3.000.000 đồng/tháng, xét thấy mức cấp dưỡng như trên là phù hợp nên cần chấp nhận buộc anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa đã triệu tập anh Lê Văn L nhiều lần đến Tòa án để tiến hành các thủ tục tố tụng với tư cách là bị đơn trong vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã thông báo qua điện thoại cho anh L được biết và tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân của anh L, người thân đã cam đoan giao các văn bản của Tòa án cho anh Lượng nhưng anh L vẫn cố tình không đến Tòa án để làm việc, chị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ vào Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải.

Ngày 13/5/2024, Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa đã đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa có mặt chị Tạ Thị H, anh Lê Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa và thông báo đưa vụ án ra xét xử lần thứ hai vào ngày 16/5/2024. Quyết định hoãn phiên tòa đã được tổng đạt hợp lệ cho người thân anh L là anh Lê Văn V (em trai anh L), anh V cam đoan giao trực tiếp giao cho anh Lượng. Tại phiên tòa anh L vẫn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Văn L.

[6] Về án phí: Buộc chị Tạ Thị H phải chịu án phí ly hôn, anh Lê Văn L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Tạ Thị H.

Về hôn nhân: Chị Tạ Thị H được ly hôn anh Lê Văn L.

Về con: Giao hai cháu Lê Ngọc K, sinh ngày 16/10/2010 và Lê Ánh N, sinh ngày 26/4/2016 cho chị Tạ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Văn L có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Tạ Thị H mỗi cháu 1.500.000 đồng, cả hai cháu 3.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2024 cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

Về tài sản, công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị Tạ Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hiền đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003738 ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa (Chị H đã thi hành xong). Anh Lê Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Chị Tạ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Lê Văn L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoằng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;
- UBND xã K, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Cao Thị Nga